

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2011	60.000.000.000	-	18.785.886.283	4.706.929.283	3.981.420.238	25.830.748.994
Tăng trong năm	3.000.000.000	4.500.000.000	37.367.332.954	-	(2.877.955.596)	149.449.848.029
Tăng trong năm	3.000.000.000	4.500.000.000	37.367.332.954	-	(2.877.955.596)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	149.449.848.029
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	109.115.577.358
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	-	48.189.377.358
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	12.000.000.000
Chia cổ tức năm 2011 (i)	-	-	-	-	-	48.900.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	26.200.000
Số dư tại ngày 31/12/2011	63.000.000.000	4.500.000.000	56.153.219.237	4.706.929.283	1.103.464.642	66.165.019.665
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	66.323.202.054
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	66.323.202.054
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	22.216.160.103
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	-	-	3.316.160.103
Chia cổ tức đợt 1 năm 2012 (iii)	-	-	-	-	-	18.900.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2012	63.000.000.000	4.500.000.000	56.153.219.237	4.706.929.283	1.103.464.642	110.272.061.616

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 03/NQ-ĐHCĐTN ngày 06 tháng 4 năm 2012 thông qua phương án lợi nhuận sau thuế năm 2011 như sau: Trả cổ tức bằng tiền năm 2011 là 80% vốn điều lệ, tương đương 48.900.000.000 đồng; trích quỹ đầu tư phát triển là 25% lợi nhuận sau thuế; trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 12.000.000.000 đồng; trích quỹ làm công tác phúc lợi xã hội theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 01 năm 2012 là 1.100.000.000 đồng. Công ty đã hạch toán trích các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức trong năm 2011.

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 01 năm 2012 quyết định từ năm 2012, Công ty được tạm trích từ lợi nhuận sau thuế 5% tương đương 3.316.160.103 đồng vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Công ty đã hạch toán trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ. Số trích quỹ chính thức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê chuẩn trong năm 2013.

(iii) Theo Nghị quyết số 07/2012/NQ-HGM của Công ty ngày 23 tháng 7 năm 2012 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2012: tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 là 30% vốn điều lệ, tương đương 18.900.000.000 đồng. Công ty đang theo dõi khoản tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 chưa trả trên tài khoản 338 - "Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 63 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/6/2012		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị (VND)
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	2.938.140	47	29.381.400.000
Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BKS, BGD, KTT)	515.800	8	5.158.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương	200.000	3	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	473.500	8	4.735.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	79.600	1	796.000.000
Các cổ đông khác	2.092.960	33	20.929.600.000
	6.300.000	100	63.000.000.000

	30/6/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.300.000	6.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.300.000	6.300.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.300.000	6.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.300.000	6.300.000

14. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Doanh thu bán hàng	92.374.049.160	98.392.075.382
<i>Doanh thu kim loại antimon</i>	92.374.049.160	98.392.075.382
	92.374.049.160	98.392.075.382

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Giá vốn hàng bán	25.058.986.373	20.485.413.060
<i>Giá vốn kim loại antimon</i>	25.058.986.373	20.485.413.060
	25.058.986.373	20.485.413.060

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.045.983.210	5.728.615.925
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.971.312.044
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.789.161.999
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	666.995.995
	12.045.983.210	10.156.085.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Các khoản chi phí thuế	2.622.047.971	-
Chi phí khác	916.115.222	372.877.599
	3.538.163.193	372.877.599

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	71.653.619.163	84.327.387.637
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(1.971.312.044)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	808.390.756	84.000.000
Thu nhập chịu thuế	72.462.009.919	82.440.075.593
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	63.925.426.856	74.380.214.412
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác	8.536.583.063	8.059.861.181
Thuế suất (i)	10% và 25%	10% và 25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.526.688.451	9.452.986.735
<i>Ưu đãi giảm thuế:</i>		
Ưu đãi giảm 50% thuế	3.196.271.343	3.719.010.720
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.330.417.109	5.733.976.016

(i) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và Thông tư số 18/2011/TT-BTC ngày 20 tháng 2 năm 2011.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	66.323.202.054	78.593.411.621
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	6.300.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.527	13.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.581.277.088	16.663.962.800
Chi phí nhân công	4.040.381.102	3.326.531.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.246.140.706	683.517.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.702.353.477	10.670.779.764
Chi phí khác bằng tiền	2.151.737.596	1.172.927.000
	27.721.889.969	32.517.717.822

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.868.957.667	175.868.218.273
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.125.234.082	13.075.515.549
Đầu tư ngắn hạn	60.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	8.100.000.000	5.100.000.000
Tổng cộng	244.094.191.749	214.043.733.822
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	22.781.254.902	24.409.939.476
Chi phí phải trả	876.023.562	1.808.934.310
Tổng cộng	23.657.278.464	26.218.873.786

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản			
	30/6/2012		31/12/2011	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	1.181.616,81	24.610.714.945	1.178.220,69	24.539.980.531
<i>Nhân dân Tệ (CNY)</i>	2.937	9.625.313	22.440	73.540.600

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn, trong kỳ, Công ty đầu tư mua thêm 150.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 3.000.000.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu của một khách hàng mà từ trước đến nay chưa phải trích lập dự phòng phải thu cho khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	22.781.254.902	-	22.781.254.902
Chi phí phải trả	876.023.562	-	876.023.562
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	24.409.939.476	-	24.409.939.476
Chi phí phải trả	1.808.934.310	-	1.808.934.310

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.868.957.667	-	146.868.957.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.125.234.082	-	29.125.234.082
Đầu tư ngắn hạn	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	8.100.000.000	8.100.000.000
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	175.868.218.273	-	175.868.218.273
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.075.515.549	-	13.075.515.549
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	5.100.000.000	5.100.000.000

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Lương	581.825.900	363.481.100
Tiền thưởng	1.352.790.300	473.654.900
Các khoản phúc lợi khác	78.000.000	6.000.000
	2.012.616.200	843.136.000

23. CAM KẾT

Công ty đã ký Hợp đồng số 61/2011/HĐMB ngày 08 tháng 10 năm 2011 với Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Sơn chuyển nhượng quyền khai thác, chế biến khoáng sản và tài sản tại mỏ Chì - Kẽm Tà Pan (trước đây là thuộc quyền quản lý và khai thác của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân) với giá trị chuyển nhượng là 19.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Sơn đã thanh toán cho Công ty 20% giá trị hợp đồng tương đương 3.960.000.000 đồng. Hiện tại, Công ty đang trình các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Hà Giang xem xét và cho ý kiến đối với Hợp đồng này. Ngay khi được phê duyệt, Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ quyền khai thác, chế biến khoáng sản và tài sản tại mỏ Chì - Kẽm Tà Pan cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Sơn. Dự kiến việc chuyển nhượng sẽ hoàn thành trong năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét.



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng